



xué qián bān

学前班

noun · preschool class

Example Sentence

xué qián bān jiào hái zǐ men jī běn de rèn zì hé suàn shù
学 前 班 教 孩 子 们 基 本 的 认 字 和 算 术。

Preschool teaches children basic literacy and arithmetic.

Trace each character, then write the word on your own.

学	学	学	学	学	学	学	学	学	学	学
前	前	前	前	前	前	前	前	前	前	前
班	班	班	班	班	班	班	班	班	班	班
班	班									